

Số: 52/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Minh P - sinh năm 1991; CCCD: 038091000190 ngày cấp 25/04/2021; Nơi cấp: Cục Q về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Căn hộ 1211, CT1B Chung cư N, phường H, thành phố Hà Nội.

- Chị Mai Mai P1 - sinh năm 1991; CCCD: 038191019211 ngày cấp 13/07/2024; Nơi cấp: Bộ C.

Nơi thường trú: Căn hộ 1211, CT1B Chung cư N, phường H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh P và chị Mai Mai P1 kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 19/05/2015 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Giấy chứng nhận kết hôn số 22.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cùng đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Anh P, chị P1 có 01 con chung là Lê Mai Bảo H – sinh ngày 18/12/2015. Anh, chị thống nhất giao con Lê Mai Bảo H cho chị P1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh P cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: Anh P, chị P1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về các khoản nợ chung: Anh P, chị P1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh P tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh P và chị Mai Mai P1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh P, chị P1 có 01 con chung là Lê Mai Bảo H – sinh ngày 18/12/2015. Anh, chị thống nhất giao con Lê Mai Bảo H cho chị P1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

- Về cấp dưỡng: Anh P, chị P1 thống nhất anh P cấp dưỡng cho con hàng tháng 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2026 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh P, chị P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ghi nhận việc anh Lê Minh P tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh P đã nộp theo biên lai số 0021783 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. anh P đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND KV3-HN;
- UBND xã/phường nơi ĐKKH.
- Phòng THA dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

Nguyễn Thị Hồng Thắm